

Số: /QĐ-UBND

Kiên Hải, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án; Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án thành phần số 03: Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Đoàn KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/Quân khu 9 (giai đoạn 1), tại đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU KIÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH-15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 5899/QĐ-BQP ngày 16 tháng 11 tháng 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch Khu kinh tế - quốc phòng biển, đảo Tây Nam Bộ/Quân Khu 9 đến năm 2025 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Quyết định số 3817/QĐ-BQP ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế - Quốc phòng biển, đảo Tây Nam Bộ/Quân khu 9 (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 6032/QĐ-BQP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt dự án thành phần số 03: Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Đoàn KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/Quân khu 9 (giai đoạn 1);

Căn cứ Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành bảng giá đất lần đầu tỉnh An Giang áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Kiên Giang Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2026 sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang quy định đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết của Quốc hội quy định một số chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Công văn số 4491/VP-KT ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng UBND tỉnh An Giang về việc sử dụng giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 7303/26/CT-ĐGD/VNS ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Cty Cổ phần Định Giá tư vấn và ĐTXD Vi Na Sun;

Căn cứ Biên bản ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư về họp Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế - Quốc phòng biển, đảo Tây Nam Bộ/Quân khu 9 (giai đoạn 1).

Theo đề nghị của phòng Kinh tế đặc khu Kiên Hải tại Tờ trình số 320/TTr-PKT ngày 16 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần số 03: Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Đoàn KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/Quân khu 9 (giai đoạn 1), tại đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang, như sau:

Loại đất - vị trí	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đất nông nghiệp (cây lâu năm) đảo Nam Du		
Hòn Bờ Đập, Hòn Dầu, vị trí 01	329.000	2,74

Đơn giá trên chưa tính đến các chính sách hỗ trợ theo quy định.

Điều 2. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án thành phần số 03: Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Đoàn KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/Quân khu 9 (giai đoạn 1), tại đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang, bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án thành phần số 03: Giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình bảo vệ đất quốc phòng Đoàn KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu KTQP biển, đảo Tây Nam Bộ/Quân khu 9 (giai đoạn 1), tại đặc khu Kiên Hải, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, như sau:

Tổng kinh phí phương án bồi thường, hỗ trợ: 50.417.229.800 đồng

(Năm mươi tỷ, bốn trăm mười bảy triệu, hai trăm hai mươi chín ngàn, tám trăm đồng chẵn.)

1.1 Kinh phí bồi thường và hỗ trợ (a+b): 50.417.229.800 đồng

a. Kinh phí bồi thường: 32.540.556.700 đồng

- Bồi thường về đất đai: 18.035.549.700 đồng
- Bồi thường cây trồng: 12.428.839.000 đồng
- Bồi thường vật kiến trúc: 2.076.168.000 đồng

b. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ khác: 17.876.673.100 đồng

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 17.697.096.000 đồng
- Bồi thường, hỗ trợ khác: 179.577.100 đồng

Trong đó:

- + Ổn định đời sống: 59.577.100 đồng
- + Hỗ trợ di dời mồ mả (cải táng): 120.000.000 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

1.2 Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Căn cứ Điều 21, Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2025 chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

của từng dự án theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (có dự toán riêng).

Kinh phí phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: Nguồn vốn từ Ngân sách Nhà nước do Quân khu 9 quản lý, chuyển cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thực hiện chi trả theo quy định.

Điều 3. Căn cứ giá đất cụ thể tại Điều 1 Quyết định này các phòng, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang chủ trì, phối hợp Phòng Kinh tế tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo phương án được phê duyệt;

- Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải nộp bản gốc các giấy tờ và quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) cho Phòng Kinh tế để chuyển cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động và bàn giao mặt bằng đúng theo thời gian quy định.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6: Chánh Văn phòng HĐND-UBND đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh An Giang; Trưởng Phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, cá nhân có tên trong phương án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- CT và các PCT UBND đặc khu;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Châu Hùng Kỳ